

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 15 - 9- 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 58/2020/TLST - HNGĐ ngày 23/3/2022 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Tú U, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 4A, xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị Tú U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, đăng ký ngày 04/9/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 03 năm, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong quá trình sống vợ chồng có cãi nhau và có nhiều bất đồng với nhau về kinh tế, cách chăm sóc con cái và anh L còn vướng vào các trò chơi tệ nạn xã hội nên ngày càng gây ra nhiều mâu thuẫn. Chị và anh L có một thời gian sống ly thân là hơn 4 năm. Sau đó vì hai con nên chị đồng ý quay lại chung sống với anh L được

một thời gian từ năm 2020 đến tháng 3/2021. Trong thời gian quay lại chung sống chị phát hiện anh L không chung thủy nên chị thấy khoảng cách và tình cảm của hai người không thể hòa giải. Đến nay chị nhận thấy việc tiếp tục sống chung không còn cảm thông và yêu thương nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Phạm Đăng Ngân H, sinh ngày 09/12/2014 và Phạm Đăng Nguyệt P, sinh ngày 10/5/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Chị yêu cầu anh Phạm Văn L phải cấp dưỡng nuôi 2 con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2022 và quá trình giải quyết bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị U kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, đăng ký ngày 04/9/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm cách sống dẫn đến ly thân từ năm 2021 đến nay, chị U làm đơn ly hôn anh xác định tình cảm không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị U.

Về con chung: Anh và chị U có 02 con chung là Phạm Đăng Ngân H, sinh ngày 09/12/2014 và Phạm Đăng Nguyệt P, sinh ngày 10/5/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu, anh nuôi cháu Phạm Đăng Ngân H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị U và Anh L vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật TTDS; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị U, đề nghị Tòa án xử cho chị Đặng Thị Tú U được ly hôn anh Phạm Văn L. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng Ngân Hà, sinh ngày 09/12/2014 và Phạm Đăng Nguyệt Hà cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu là 2.000.000đ/tháng. Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị U và anh L là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. *Về sự vắng mặt của các đương sự:*

Chị U và anh L có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị U và anh L là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, về quan hệ kinh tế và chăm sóc con chung. Hai người không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Trước khi ly hôn chị U và anh L sống ly thân 04 năm, sau đó vợ chồng hòa hợp nhưng được hơn 01 năm lại sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh L đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài không hàn gắn được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị U xin ly hôn, về phía anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Chị U và anh L có 02 con chung là Phạm Đặng Ngân H, sinh ngày 09/12/2014 và Phạm Đặng Nguyệt P, sinh ngày 10/5/2016. Khi ly hôn nguyện vọng của chị U xin được nuôi hai con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nguyện vọng của anh L xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngân H.

HĐXX xét thấy: Là bố là mẹ ai cũng có quyền yêu cầu được nuôi con, đó là yêu cầu chính đáng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng phải xem xét đến nhiều yếu tố, miễn sao đảm bảo cho con trẻ có được cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để con trẻ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Chị U và anh L đều có công ăn việc làm và có thu nhập. Tuy nhiên, từ trước đến nay hai con luôn được chị U chăm sóc nuôi dưỡng, có chỗ ăn ở ổn định, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Bản thân anh L cũng muốn nuôi con nhưng nhiều năm sống

ly thân anh L không quan tâm, không trách nhiệm với cuộc sống của các con. Mặt khác, anh L muốn nuôi cháu Ngân H nhưng nguyện vọng cháu Ngân H lại muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn và quyền lợi của con trẻ, đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu nên giao cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con là phù hợp. Sau này cháu lớn anh L muốn nuôi con sẽ làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị U yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 2 con theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Với tình hình xã hội hiện nay quan điểm dành cho con trẻ những gì tốt nhất khi có thể là ưu tiên số 1. Con trẻ không chỉ ăn no mà còn ăn phải đủ chất, đảm bảo dinh dưỡng, không phải chỉ mặc ấm mà còn phải mặc đẹp, tạo mọi điều kiện để trẻ nhỏ phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tâm sinh lý trẻ thơ. Căn cứ mức thu nhập của hai bên và nhu cầu của con trẻ trong cuộc sống hiện tại cần buộc anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mức mỗi con là 1.500.000đ/1 tháng là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị U và anh L không có tài sản chung và công chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị U khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Đặng Thị Tú U được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị U và anh L có 02 con chung. Giao cháu Phạm Đặng Ngân H, sinh ngày 09/12/2014 và cháu Phạm Đặng Nguyệt P, sinh ngày 10/5/2016 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu, hai cháu là 3.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Tú U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) mà chị U đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2019/0003412 ngày 23/3/2022. Chấp nhận chị U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị U và anh L trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng